

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO SINH VIÊN VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN LUẬN VĂN

Trần Thanh Ái¹

ABSTRACT

Researchers usually face challenges in their work, especially researchers who conduct their work in social science fields. One of the challenges faced is research methods. As a result, many students and staff are not interested in conducting research. This writing will contribute experiences and methods for scientific research of students in France.

Title: *Research on social science fields: Matters should be considered by researchers and supervisors*

TÓM TẮT

Nghiên cứu khoa học, nhất là trong các ngành khoa học xã hội, không hề là một công việc đơn giản và hiển nhiên. Bằng chứng là ngay cả những người được trang bị khá nhiều kiến thức lý thuyết về phương pháp luận nghiên cứu khoa học như là sinh viên bậc cao học cũng gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện luận văn của mình, từ khâu chọn đề tài đến các công đoạn tiếp theo. Theo kinh nghiệm bản thân, thậm chí ngay cả sau khi đã tốt nghiệp xong cao học, khi không còn sự trợ giúp của giáo sư hướng dẫn thì việc nghiên cứu khoa học chưa phải đã thông thạo. Vậy đâu là nguyên do của những khó khăn?

Từ khóa: *phương pháp luận nghiên cứu khoa học, phương pháp thực nghiệm, phương pháp tư biện.*

1 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG CÁC NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI XƯA VÀ NAY

Từ thế kỷ XVIII trở về trước, việc nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội chưa được phát triển đa dạng như ngày nay, một phần do giới trí thức chưa chú trọng lắm công việc này, nhưng phần lớn là do khoa học nói chung trong giai đoạn này còn trong giai đoạn manh nha. Cách thức nghiên cứu cũng chỉ giới hạn trong phương pháp tư biện (spéculation), được hiểu như phương pháp “quan sát hiện thực theo những nguyên tắc tiên thiên chung chung, theo tư biện thuần túy, không đếm xỉa gì đến kinh nghiệm” (M. Rô-den-tan & P. Iu-đin, 1976 : 949).

Kể từ thế kỷ XIX, khi ngành khoa học thực nghiệm ra đời, việc nghiên cứu khoa học trong ngành khoa học xã hội có thêm một công cụ mới, dựa trên những quan sát và phân tích thực nghiệm. Người đầu tiên ứng dụng phương pháp thực nghiệm vào trong việc nghiên cứu các hiện tượng xã hội là nhà xã hội học Pháp Emile Durkheim (1858-1917).

Tuy cùng sử dụng chung phương pháp thực nghiệm, nhưng giữa hai ngành nghiên cứu này có những sự khác biệt cơ bản, xuất phát từ sự khác biệt về đối tượng nghiên cứu và tính chất thực nghiệm trực tiếp trên các đối tượng nghiên cứu.

2 NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI NGÀY NAY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TỰ NHIÊN

2.1 Nghiên cứu khoa học tự nhiên

Đối tượng nghiên cứu của khoa học tự nhiên là thế giới vật chất, có thể “nhân bản” ra thành nhiều mẫu nghiên cứu giống nhau, và có thể cố định những thông số mà nhà nghiên

¹ Bộ môn Pháp văn- Khoa Sư Phạm

cứu mong muốn, để chỉ chừa lại một biến số liên quan đến mục tiêu nghiên cứu mà thôi. Chẳng hạn để nghiên cứu lượng phân bón thích hợp cho một loại cây trồng, người kỹ sư nông nghiệp dễ dàng tìm ra giải pháp tối ưu bằng cách quan sát sự tăng trưởng của cây trong các mẫu vật giống nhau (về giống cây, chất đất, về chế độ chăm sóc...) nhưng được xử lý phân bón với liều lượng khác nhau. Trong thí nghiệm này, nhà nghiên cứu không hề gặp khó khăn gì để tạo ra sự đồng nhất về loại cây trồng (chỉ chọn một giống duy nhất, có cùng đặc điểm), về điều kiện canh tác (chất đất giống nhau, nhiệt độ và ẩm độ như nhau, cùng chế độ chăm sóc...). Chỉ có lượng phân bón là thay đổi, từ ít đến nhiều, và nhà nghiên cứu chỉ cần dựa vào kết quả quan sát được để rút ra kết luận.

Thí nghiệm 1: thời gian t

$$PB1 + GC + TN + Đ + CS + \dots$$

Thí nghiệm 2: thời gian t

$$PB2 + GC + TN + Đ + CS + \dots$$

Thí nghiệm 3: thời gian t

$$PB3 + GC + TN + Đ + CS + \dots$$

Sơ đồ 1 : Các thông số GC, TN, Đ, CS... có thể được cố định dễ dàng, để chừa lại yếu tố PB thay đổi theo ý muốn. Sự khác nhau của các kết quả thu được chính là sự tác động của yếu tố PB.

Ghi chú:

PB: lượng phân bón

GC: giống cây trồng

TN: thổ nhưỡng

Đ: địa điểm

CS: chế độ chăm sóc (nước, ánh sáng, làm cỏ...)

Ngay cả việc áp dụng thử kết quả thu được từ phòng thí nghiệm vào thực tế cũng không gặp trở ngại gì về tính khoa học, về phương pháp luận, và về đạo đức xã hội như trong nghiên cứu khoa học xã hội. Nếu việc áp dụng thử này gặp thất bại thì nhà nghiên cứu chỉ việc kiểm chứng lại những dữ liệu đã được ghi nhận trong phòng thí nghiệm, và điều chỉnh lại cho phù hợp.

Hình ảnh trên đây tuy chỉ là một bức tranh khái quát sơ lược, nhưng nhìn chung vẫn thể hiện được đặc điểm của nghiên cứu khoa học trong các ngành tự nhiên.

2.2 Nghiên cứu khoa học xã hội

Đối tượng nghiên cứu của các ngành khoa học xã hội là những hoạt động của con người, mà mỗi cá thể là duy nhất, có những hoạt động tâm sinh lý khác nhau, có hoàn cảnh kinh tế xã hội khác nhau, có lịch sử khác nhau... tóm lại, không thể có hai cá thể giống hệt nhau được. Vì thế, nhà nghiên cứu không thể tạo ra nhiều mẫu thí nghiệm như khi nghiên cứu các loại cây trồng. Hơn nữa, hoạt động của con người là hoạt động có ý thức, nghĩa là nó bị chi phối và kiểm soát bởi ý thức của con người. Thế mà ý thức của con người luôn luôn biến đổi, và luôn luôn bị tác động từ bên ngoài, bởi một hệ thống vô cùng phức tạp gồm những nhân tố luôn tương tác lẫn nhau, luôn biến đổi tương ứng với sự biến đổi của xã hội, của cộng đồng xung quanh, khiến con người luôn biến đổi theo thời gian, theo hoàn cảnh, theo môi trường giao tiếp... vì thế nhà nghiên cứu không thể tạo ra những tình huống giống hệt nhau. Nói cách khác, ngành khoa học xã hội có đối tượng nghiên cứu là những hoạt động của các chủ thể mang tính xã hội, nằm trong nhiều sự tương tác của

nhiều yếu tố luôn luôn biến đổi trong không gian và thời gian, và do đó, nhà nghiên cứu không thể tạo ra điều kiện quan sát trực tiếp để so sánh giống như trong nghiên cứu khoa học tự nhiên. Một nhà nghiên cứu lý luận dạy học ngoại ngữ không thể tạo ra hai tình huống giống hệt nhau như trong thí nghiệm đối với cây trồng để thử nghiệm một kỹ thuật lên lớp mà anh ta giả định là hiệu quả hơn kỹ thuật truyền thống, bởi vì không thể có hai lớp học giống hệt nhau với những điều kiện thử nghiệm giống hệt nhau để so sánh. Anh ta cũng không thể lập lại thí nghiệm trên cùng một mẫu vật (lớp học) với một thông số khác cho mỗi lần lập lại, vì mỗi lần lập lại thí nghiệm là tất cả những thông số kia đều thay đổi, như trong sơ đồ sau đây:

Thí nghiệm 1: thời gian t1

KT 1 + BH + Đ + GV + LH + TH + ...

Thí nghiệm 2: thời gian t2

KT 2 + BH + Đ + GV' + LH' + TH' + ...

Thí nghiệm 3: thời gian t3

KT 3 + BH + Đ + GV'' + LH'' + TH'' + ...

Sơ đồ 2 : Thời gian t thay đổi dẫn đến sự thay đổi của nhiều yếu tố khác liên quan đến các chủ thể tham gia thí nghiệm. Do đó, sự khác nhau của các kết quả quan sát được là hệ quả của nhiều sự thay đổi cùng lúc.

Ghi chú:

KT: kỹ thuật lên lớp

BH: bài học

Đ: địa điểm

GV: giảng viên

LH: lớp học

TH: tình huống trên lớp.

Nhà nghiên cứu không thể dựa trên kết quả quan sát của ba thí nghiệm trên đây được mô phỏng từ thí nghiệm trên cây trồng để kết luận là kỹ thuật nào ưu việt hơn trong số ba KT đã áp dụng, bởi vì mỗi lần lập lại thí nghiệm là nhiều thông số khác cũng biến đổi theo: mặc dù cùng một GV làm việc với cùng một LH, nhưng qua ba thời điểm t1, t2 và t3 thì GV và LH không còn là chính họ nữa, do họ bị tác động bởi nhiều yếu tố khác, như trạng thái tâm lý của từng cá nhân thay đổi dẫn đến sự thay đổi của không khí lớp học, hoặc vào thời điểm t2 kiến thức của người dạy và người học thay đổi so với t1 nên phản ứng của họ đối với BH cũng khác nhau...

Đối với những công trình có mục tiêu nghiên cứu thuộc những lãnh vực trừu tượng như động cơ học tập, khuynh hướng..., nhà nghiên cứu cần phải xây dựng cho mình một phương pháp thích hợp để đảm bảo tính khoa học khách quan, chứ không thể chỉ dựa vào kết quả phỏng vấn các đối tượng (là những nhận định chủ quan). Vì thế, rất thường khi nhà nghiên cứu phải khảo sát một cách gián tiếp qua việc quan sát những biểu hiện bên ngoài, những cái có thể quan sát được, để từ đó tiếp cận đến mục tiêu nghiên cứu. Năm 1928, Stuart Chapin thử nghiệm vai trò xã hội của gia đình bằng cách khảo sát những đặc điểm khách quan về điều kiện ăn ở của gia đình ấy. Tóm lại, không như những hiện tượng tự nhiên, những hiện tượng liên quan đến con người luôn luôn diễn ra cùng với rất nhiều yếu tố biến đổi, do đó sự đo lường chính xác không hề đơn giản, và đòi hỏi nhà nghiên cứu phải có nhiều thủ thuật tinh tế, phức tạp.

3 SINH VIÊN VÀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

3.1 Mô hình Pháp

Hệ thống giáo dục đại học ở Pháp chia ra làm 3 giai đoạn: xong giai đoạn 1, sinh viên được cấp bằng đại học đại cương, giai đoạn 2 với bằng maitrise, và giai đoạn 3 là bằng DEA (tương đương với cao học) và tiến sĩ⁽¹⁾. Ở giai đoạn 1, sinh viên không phải làm luận văn tốt nghiệp. Đối với giai đoạn 2 của một số ngành, sinh viên phải làm 2 báo cáo khoa học, một số ngành khác phải làm luận văn tốt nghiệp. Ở giai đoạn 3, sinh viên phải làm 2 luận văn: luận văn thứ nhất là luận văn cao học, luận văn thứ hai là luận án tiến sĩ.

Sự phân biệt giữa các công trình khoa học nói trên được dựa trên 2 tiêu chí: tiêu chí về tính chất khoa học (nội dung) và tiêu chí về quy mô của công trình (hình thức).

3.1.1 Báo cáo khoa học ở cuối giai đoạn 2

Được áp dụng cho các ngành đào tạo có tính chất thực nghiệm, chẳng hạn như ngành phương pháp dạy học ngoại ngữ. Sinh viên muốn tốt nghiệp giai đoạn này phải làm 2 báo cáo về 2 vấn đề thuộc 2 lĩnh vực có liên quan đến ngành nghề theo học. Mục đích của hoạt động này là rèn luyện óc quan sát, phân tích và tổng hợp của sinh viên, cũng như khả năng trình bày và thiết kế một bản báo cáo chặt chẽ và khoa học. Quy mô của một bản báo cáo khoảng 30 trang giấy khổ A4.

3.1.2 Luận văn tốt nghiệp ở cuối giai đoạn 2

Được áp dụng cho các ngành đào tạo lý thuyết, như khoa học ngôn ngữ. Luận văn tốt nghiệp được xem là một công trình hoàn chỉnh nhằm giải quyết một vấn đề có tính chất lý luận dựa trên sự phân tích những dữ liệu lấy từ hoạt động thực tiễn xã hội (corpus). Quy mô của một luận văn là khoảng 50 trang khổ A4.

3.1.3 Luận văn tốt nghiệp DEA (đầu giai đoạn 3)

Luận văn này được xem là bước khởi đầu của luận án tiến sĩ. Do đó, nó không đòi hỏi người thực hiện phải giải quyết dứt điểm một vấn đề khoa học đã được đặt ra, mà chỉ cần trình bày một đề tài nghiên cứu khả thi, xác định hệ vấn đề (problématique), chọn mẫu phân tích tương ứng với đề tài, phân tích một vài khía cạnh của vấn đề, cuối cùng là hướng nghiên cứu của luận án sắp tới. Quy mô của luận văn DEA là khoảng 100 trang.

3.1.4 Luận án tiến sĩ (cuối giai đoạn 3)

Luận án tiến sĩ là công trình nghiên cứu khoa học chuẩn về mặt nội dung cũng như về cách trình bày các luận điểm khoa học. Tiêu chí hàng đầu của một luận án là phải mang lại cái mới cho khoa học, phải tiến hành phân tích những dữ liệu thu thập được một cách khoa học và phải đi đến kết luận mà giả thuyết khoa học đã phát họa từ ban đầu. Quy mô của luận án được qui định tối thiểu là 250 trang A4.

3.2 Những khó khăn sinh viên thường gặp khi làm nghiên cứu khoa học

Những khó khăn mà sinh viên Việt Nam thường gặp khi làm công tác nghiên cứu khoa học trong khuôn khổ đào tạo nêu trên thuộc nhiều loại:

3.2.1 Chọn đề tài

Trước tiên, sinh viên phải trình bày đề tài đã chọn cho giáo sư hướng dẫn góp ý. Thông thường, sinh viên có khuynh hướng chọn một đề tài quá rộng, “có thể làm thành nhiều luận án tiến sĩ” (như nhận xét của một giáo sư Pháp về một đề tài luận văn Cao học), vì

⁽¹⁾ Kể từ năm 2003, có sự cải tổ về bằng cấp ở Pháp, cho phù hợp với hệ thống Anh-Mỹ. Các bằng cấp tương ứng là licence, master và doctorat.

cho rằng một nghiên cứu khoa học nhất thiết phải đem ra ứng dụng vào thực tế. Quá rộng về mặt khái niệm, quá tham vọng về ý đồ thực hiện, do đó quá mất thời gian, và dĩ nhiên là thường vượt quá sức, khiến người nghiên cứu không thể có đủ kiên nhẫn, sức lực và kể cả tài chánh để giải quyết đề tài một cách triệt để. Đó là dấu hiệu của sự thiếu kiên thức thấu đáo trong lãnh vực mà mình quan tâm. Nhược điểm này sẽ dần dần được khắc phục qua quá trình nghiên cứu tài liệu tham khảo (vì càng đọc nhiều tài liệu, sinh viên càng phát hiện ra nhiều khả năng khai thác dữ liệu).

3.2.2 Phân tích dữ liệu

Một nhược điểm khác của sinh viên là yếu về phân tích dữ liệu, và thường nặng về phân tổng hợp các lý thuyết đã đọc được. Nhược điểm này xuất phát từ sự nghèo nàn trong phương pháp phân tích, và từ quan niệm sai lầm về mục đích của luận văn:

Quan niệm sai lầm về mục đích của luận văn: Một quan niệm phổ biến ở nhiều người, nhất là trong giới sinh viên, là một công trình khoa học chỉ nhằm tập hợp những lý thuyết đã đọc theo một chủ đề nào đó, mà không xuất phát từ vấn đề mà mình muốn nghiên cứu, và những lý thuyết ấy thường được sử dụng để minh họa vấn đề nghiên cứu. Nói cách khác, đa số trường hợp rơi vào cách lý giải tiên nghiệm (a priori). Luận văn khoa học phải là một công trình lý thuyết được khái quát từ kết quả của việc phân tích dữ liệu đã chọn. Nói cách khác, phương pháp áp dụng phải là phương pháp hậu nghiệm (a posteriori).

Nghèo nàn trong phương pháp phân tích: sinh viên thường lạm dụng phương pháp phân tích xã hội học hoặc thống kê. Họ không biết rằng phương pháp phân tích phải tương ứng với đối tượng và mục tiêu phân tích; và không có phương pháp vạn năng, và đòi hỏi phải tuân thủ nhiều tiêu chí khác khi áp dụng chúng, nếu muốn có kết quả đáng tin cậy.

3.2.3 Trích dẫn

Sinh viên thường có tâm lý sợ “viết không ra chữ”, nên thường lạm dụng trích dẫn, hoặc trích dẫn không đúng chỗ. Việc lạm dụng trích dẫn khiến cho luận văn trở thành nơi khoe những kiến thức mà mình đã đọc, và vì thế thiếu những gì của riêng mình. Việc trích dẫn không đúng chỗ thường xuất phát từ việc không hiểu thấu đáo ý của tác giả, hoặc đọc không đầy đủ tài liệu của một tác giả nên dẫn giải sai.

4 MỘT VÀI KINH NGHIỆM HƯỚNG DẪN SINH VIÊN LÀM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Qua quá trình ngăn ngừa hướng dẫn luận văn Cao học Pháp, chúng tôi nhận thấy cần phải lưu ý sinh viên những điểm sau đây:

4.1 Không nên huyền bí hóa công tác nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu là một công việc quen thuộc với mọi người, chỉ có khác là ở những người “chuyên nghiệp” thì công việc này được tiến hành đều đặn hơn, thường xuyên hơn và hệ thống hơn ở những người “nghịệp dư”. Hơn nữa, vì khoa học luôn luôn vận động và biến đổi, nên đòi hỏi người nghiên cứu phải tuân thủ những yêu cầu về tính khoa học của công trình trong từng thời đại. Vì thế, cần phải cho sinh viên thấy rằng công việc nghiên cứu khoa học trong trường đại học chỉ là một bước nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng về phương pháp nghiên cứu, để dần dần sinh viên có khả năng tự chủ hơn trong việc nghiên cứu khoa học.

4.2 Đề tài nghiên cứu phải xuất phát từ thực tế cuộc sống và nghề nghiệp của người nghiên cứu

Nguyên tắc này không chỉ đơn giản là nhằm tạo động cơ làm việc cho sinh viên, mà quan trọng hơn, đó là giúp sinh viên huy động tối đa những sở trường, năng khiếu, kinh nghiệm, kiến thức của mình vào trong nghiên cứu. Nếu người hướng dẫn áp đặt đề tài nghiên cứu cho sinh viên, họ sẽ không có nhận thức đầy đủ về tính “có vấn đề” và tầm quan trọng của đề tài, vì họ chưa có đủ vốn sống và vốn kiến thức cần thiết.

4.3 Mục tiêu của nghiên cứu khoa học trước hết là tạo ra tri thức mới

Không ít người xem việc một nghiên cứu khoa học có thể được áp dụng vào cuộc sống hay không như là một tiêu chí để đánh giá. Dĩ nhiên là một công trình nghiên cứu phải được thai nghén từ thực tế cuộc sống, từ những tình huống “có vấn đề” mà người nghiên cứu phát hiện ra. Nhưng trước tiên, nghiên cứu khoa học là để tạo ra tri thức mới về những hiện tượng mới hoặc mới phát hiện. Việc áp dụng những tri thức đó vào cuộc sống thuộc về một công đoạn khác, đôi khi cần phải có nhiều tri thức khác, vì nó liên quan đến nhiều yếu tố khác mà một công trình không thể nào quán xuyên hết được.

4.4 Hướng dẫn luận văn là quá trình cụ thể hóa những lý thuyết về phương pháp luận nghiên cứu vào một tình huống mới

Kinh nghiệm cho thấy là sau khi đã học về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, sinh viên vẫn còn nhiều điểm mơ hồ, chưa biết biến những kiến thức trừu tượng thành những kỹ năng thực hành. Vì thế, quá trình hướng dẫn luận văn chính là quá trình giúp họ cụ thể hóa những điều đã học thành những thao tác cụ thể: người hướng dẫn cần thường xuyên giúp họ thiết lập mối liên hệ giữa lý thuyết và thực hành, giúp họ xác định được tính chất và đặc điểm của vấn đề để xây dựng phương pháp phân tích thích hợp, giải thích cho họ tại sao phải làm như thế này, tại sao không được làm như thế kia, để họ củng cố thêm những điều đã học về phương pháp luận nghiên cứu.

4.5 Những tiêu chí của một công trình nghiên cứu khoa học xã hội

Để công trình nghiên cứu có giá trị, cần phải tuân thủ nhiều tiêu chí, trong số đó thường được đề cập đến trong các sách lý luận là những tiêu chí sau đây:

4.5.1 Tiêu chí lô-gích

Một trong những nguyên tắc tổ chức kiến thức khoa học xã hội là tính lô-gích mà nhà nghiên cứu là kiến trúc sư ngay từ khâu xây dựng đề cương nghiên cứu đến khâu sắp xếp hài hòa giữa những kết quả mới tìm ra và những kiến thức có sẵn. Việc xây dựng công trình nghiên cứu một cách lô-gích tạo nên một quá trình năng động, một sự đối chiếu thường xuyên giữa những dữ liệu phân tích và những cách lý giải các sự kiện, để kịp thời điều chỉnh những kết luận chưa thật sự phù hợp với những dữ liệu mới.

4.5.2 Tiêu chí chuẩn xác

Cần phải phân biệt tính chính xác khoa học dựa trên những quy ước được mọi người chấp nhận, với những điều xác tính của cá nhân, tức là những ý kiến mà ta cho là đúng nhưng ta không có quyền đòi hỏi mọi người phải chấp nhận nó. Từ thế kỷ 19 đến nay, với sự ra đời của khoa học thực nghiệm, khoa học xã hội đã tiếp thu những phương pháp nghiên cứu khoa học dựa trên các ứng dụng toán học như định lượng, thống kê, sơ đồ, công thức... Những ứng dụng này giúp nhà nghiên cứu hạn chế những chủ quan và định kiến trước một hiện tượng xã hội.

4.5.3 Tiêu chí bản chất

Về bề ngoài đôi khi đánh lừa chúng ta. Vì thế nhà nghiên cứu cần phải có khả năng nhìn xuyên qua cái hình thức đó, để khám phá ra cái gì là bản chất trong các hiện tượng xã hội. Trong xã hội, người ta nhận thấy có những sự việc thường xuất hiện chung với nhau. Nếu nhà nghiên cứu chỉ dựa vào quan sát hời hợt để đi đến kết luận là chúng có mối quan hệ nhân quả thì anh ta có nguy cơ sẽ bị đánh lừa. Do đó đi tìm cái bản chất có nghĩa là ngay từ đầu phải đoạn tuyệt với những xác tín dựa trên hình thức bên ngoài, và phải có lòng “ngghi vấn khoa học” đối với những lý giải nhất thời và hời hợt về thực tế cuộc sống. Merleau-Ponty, nhà triết học Pháp nói rằng bản chất là cái gì không thể thay đổi nếu sự vật không biến mất.

4.6 Những đức tính cần có của người nghiên cứu

Công việc nghiên cứu khoa học, nhất là khoa học xã hội, thường kéo dài nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, và đòi hỏi ở người nghiên cứu sự đầu tư về tinh thần lẫn thể xác. Do đó, người nghiên cứu cần phải có tính nhẫn nại và kiên trì. Mà muốn có tính nhẫn nại, kiên trì, thì chỉ có cách duy nhất là người nghiên cứu cần phải có lòng đam mê nghiên cứu.

Một nghiên cứu khoa học thực sự phải là một nghiên cứu có thể xô ngã những hàng rào cản trở nhận thức của con người và tiến bộ của xã hội. Do đó, người nghiên cứu cần phải minh mẫn và can đảm, có đầu óc phán đoán chính xác. Ngoài ra, người nghiên cứu cần phải có sự khéo léo về mặt kỹ thuật, và biết tổ chức công việc sao cho khoa học, ngăn nắp để không phải phí thời gian vào những việc vô ích.

Một đức tính khác vô cùng quan trọng mà người nghiên cứu cần phải có, đó là tính lương thiện: chỉ làm những gì luật pháp, đạo đức xã hội và lương tâm nghề nghiệp cho phép.

5 KẾT LUẬN

Công tác nghiên cứu khoa học, nhất là khoa học xã hội, đòi hỏi không chỉ kiến thức của người nghiên cứu, mà còn cả kỹ năng nghiên cứu, cũng như phương pháp luận nghiên cứu, vì lãnh vực khoa học xã hội vô cùng phức tạp. Để làm được điều này, người nghiên cứu cần phải được hướng dẫn tường tận về những thao tác tư duy cần thiết tương ứng với từng đề tài cụ thể, qua đó, sinh viên dần dần nắm bắt được những nguyên lý quán xuyên cả quá trình nghiên cứu. Có thể nói một cách hơi cường điệu là, cái quan trọng nhất trong nghiên cứu khoa học trong sinh viên không phải là kết quả nghiên cứu, mà là giúp cho sinh viên có cơ hội để thực hành nghiên cứu, để rèn luyện thêm về kỹ năng nghiên cứu, để sau một giai đoạn đào tạo nào đó, sinh viên có thể hoạt động mà không còn lệ thuộc vào người hướng dẫn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- GAUTHIER B. (1984): Recherche sociale De la problématique à la collecte des données, Presses de l'Université du Québec, Canada.
- PHẠM VIỆT VƯỢNG (2000) : Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
- PLOT B. (1986) : Ecrire une thèse ou un mémoire, Paris, Champion.
- QUYVI R. & CAMBELHOUDT L. van (1988) : Manuel de recherche en science sociale, Paris, Dunod.
- RÔ-DEN-TAN M. & IU-ĐIN P., 1976 : Từ điển triết học, Nxb Sự Thật, Hà Nội.